

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG LUẬN VĂN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

✍ LÊ XUÂN SINH*

Ngày nhận: 03/3/2023

Ngày phản biện: 20/5/2023

Ngày duyệt đăng: 25/5/2023

Tóm tắt: Các nghiên cứu trong và ngoài nước cho rằng, chất lượng đào tạo, trong đó bao gồm chất lượng luận văn, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: chất lượng đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra của một hệ thống giáo dục. Để xác định các nhân tố và mức độ ảnh hưởng đến chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, phân tích thực trạng, kết quả đã chỉ ra được 6 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn, bao gồm: (1) Năng lực và sự cố gắng của người học; (2) Giảng viên; (3) Quản lý đào tạo; (4) Cơ sở vật chất; (5) Chương trình đào tạo; (6) Giám sát xã hội đối với luận văn. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn.

Từ khóa: Luận văn; chất lượng luận văn; nâng cao chất lượng luận văn; các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn.

FACTORS AFFECTING THE THESIS QUALITY IN TRADE UNION UNIVERSITY

Abstract: Studies at home and abroad show that the quality of training, including the quality of theses, depends on many factors such as the quality of inputs, the training process and the outputs of an education system... To determine the factors and levels affecting the thesis quality at Trade Union University, the research has conducted a survey and analysis of the current situation, the results have shown 6 factors affecting the quality of the thesis, including: (1) Competence and efforts of learners; (2) Lecturers; (3) Training management; (4) Facilities; (5) Training program; (6) Social supervision for theses and theses. At the same time, propose some solutions to improve the quality of theses and theses at Trade Union University.

Keywords: Dissertation; dissertation quality; improve the quality of theses; factors affecting the quality of theses and theses.

1. Đặt vấn đề

Luận văn bao gồm cả luận văn theo định hướng nghiên cứu và luận văn theo định hướng ứng dụng là một công trình nghiên cứu khoa học, trong đó yêu cầu phải có những đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc là giải pháp có giá trị trong việc phát triển và nâng cao tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội. Đây được xem là sản phẩm kết tinh từ nhiều yếu tố chủ quan và khách quan.

Những nghiên cứu trên thế giới [1], [8] đã chỉ ra rằng chất lượng đào tạo chịu tác động và chi phối bởi rất nhiều yếu tố, bao gồm đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra, từ khâu tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả, quản trị đào tạo, hỗ trợ đào tạo (chính sách, cơ sở vật chất, thư viện, tài liệu), các quy trình thực hiện và tất yếu có các đối tượng liên quan như nhà quản trị, giảng viên, người học, giám sát cộng đồng, cơ quan quản lý giáo dục, nhà tuyển dụng...[8]. Theo Goddard Leaks (1920): "Chất lượng

giáo dục không chỉ phụ thuộc vào chất lượng và động cơ của đội ngũ giảng viên mà còn là động cơ học tập của người học. Các giá trị và thái độ của xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến cả hai động cơ này"[9]. Gần đây các công trình nghiên cứu trong nước [2], [3]; [4]; [5]; [6] còn đề cập đến những nhân tố như năng lực người học, năng lực nghiên cứu khoa học; hội đồng đánh giá luận văn; đội ngũ giảng viên; cơ sở vật chất; nguồn tài liệu tham khảo; quản lý nhà nước về đào tạo; giám sát của xã hội, sự quan tâm của nhà trường đối với người học. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo cũng bao gồm các tiêu chí liên quan đến sứ mệnh mục tiêu của cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo, người học và hỗ trợ người học, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, v.v. Vậy chất lượng luận văn chịu sự tác động, chi phối bởi những nhân tố nào trong quá trình đào tạo?

* Trường Đại học Công Đoàn

Mục tiêu của bài viết nhằm: (1) Xác định và đánh giá thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn; (2) Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công Đoàn.

Các giả thuyết nghiên cứu:

H1: Chương trình đào tạo ảnh hưởng đến chất lượng luận văn.

H2: Năng lực và sự cố gắng của học viên là nhân tố quyết định đến chất lượng luận văn.

H3: Sự hướng dẫn nhiệt tình của giảng viên góp phần nâng cao chất lượng luận văn.

H4: Quản lý đào tạo có tác động tích cực đến chất lượng luận văn.

H5: Cơ sở vật chất có ảnh hưởng đến chất lượng luận văn.

H6: Giám sát xã hội có ảnh hưởng đến chất lượng luận văn.

Để đạt được mục tiêu và làm sáng tỏ các giả thuyết nêu trên, nghiên cứu đã tiến hành thu thập các dữ liệu, thông qua khảo sát, phân tích, đánh giá, xử lý định lượng. Công cụ chính là phiếu hỏi điều tra thông qua mẫu được thiết kế được phát trực tiếp cho đối tượng khảo sát kết hợp gửi mẫu trên Google Form. Mẫu phiếu được thiết kế dành cho 2 nhóm đối tượng:

Nhóm một: bao gồm các giảng viên có tham gia đào tạo sau đại học (tham gia giảng dạy, hướng dẫn, tham gia hội đồng đánh giá luận văn) và nhân viên hỗ trợ đào tạo tại Trường Đại học Công đoàn,

Nhóm hai: là người học (học viên, cựu học viên) của Trường đại học Công đoàn. Nội dung phiếu hỏi được kết cấu thành 2 phần: phần đầu phục vụ cho việc thu thập các thông tin cá nhân về đối tượng khảo sát và phần hai là các câu hỏi có tính nhận định để đo lường mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn theo thang đo likert 5 cấp độ (Rất không đồng ý = 1, không đồng ý = 2, bình thường = 3, đồng ý = 4 và hoàn toàn đồng ý = 5).

Về quy mô mẫu nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất, cụ thể là chọn mẫu theo phương pháp phán đoán (Hair, 1998). Quy mô mẫu đối với phân tích yếu tố khám phá EFA yêu cầu cỡ mẫu tối thiểu phải gấp năm lần các mệnh đề trong thang đo. Trong nghiên cứu này, có 31 biến quan sát, do đó, cỡ mẫu tối thiểu là 155 phiếu, trong

nghiên cứu thu về được 282 do đó quy mô khảo sát đảm bảo yêu cầu.

Kết quả khảo sát có 282 ý kiến trả lời, trong đó có 236 ý kiến của người học, mà chủ yếu là cựu học viên và 46 ý kiến của giảng viên và nhân viên hỗ trợ. Dữ liệu sau khi được thu thập được phân loại, mã hóa, nhập số liệu, làm sạch với phần mềm SPSS version 23.0.

Độ tin cậy của thang đo được đánh giá và xác định bằng phương pháp hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Thông qua các chỉ báo hệ số tin cậy Cronbach's Alpha để loại các biến không phù hợp, biến rác có thể tạo ra các yếu tố giả gây nhiễu trước khi phân tích nhân tố EFA [12]. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha chỉ cho biết các đo lường có sự liên kết với nhau hay không; nhưng không cho biết biến quan sát nào cần loại bỏ và biến quan sát nào cần giữ lại. Khi đó, việc tính toán hệ số tương quan giữa biến tổng sẽ giúp loại ra những biến quan sát nào không đóng góp nhiều cho sự mô tả của khái niệm/giả thuyết cần đo [10]. Các tiêu chí được sử dụng khi thực hiện đánh giá độ tin cậy thang đo:

Qua đó, khi thực hiện xử lý dữ liệu sẽ loại bỏ các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ (nhỏ hơn 0,3); tiêu chuẩn chọn thang đo khi có độ tin cậy Alpha lớn hơn 0,6. Hệ số tương quan biến tổng thể là hệ số tương quan của một biến với điểm trung bình của các biến khác trong cùng một thang đo, do đó hệ số này càng cao, sự tương quan giữa các biến với các biến khác trong nhóm càng cao. Theo Nunally & Burnstein (1994) thì các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 được xem là biến rác và sẽ được loại bỏ khỏi thang đo [6].

Phân tích nhân tố EFA dùng để kiểm định giá trị khái niệm của thang đo. Các biến có trọng số thấp (nhỏ hơn 0,4) sẽ bị loại và thang đo chỉ được chấp nhận khi tổng phương sai trích lớn hơn 0,5. Và cuối cùng là phân tích hồi quy tuyến tính bộ (multiple regression analysis) để kiểm định mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.

2. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn

2.1. Khái quát về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công đoàn

Ngày 03/11/2006 đánh dấu bước ngoặt trong công tác đào tạo sau đại học của Trường Đại học Công đoàn - sau 14 năm kể từ khi hội nhập vào hệ

thống giáo dục đại học (1992-2006), Trường Đại học Công đoàn được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ¹. Căn cứ Quyết định này, ngày 05/12/2006 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Quyết định giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Công đoàn đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý nguồn nhân lực², và sau đó lần lượt là các ngành Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Quản lý an toàn và Sức khỏe nghề nghiệp, Xã hội học³.

Quy mô đào tạo Sau đại học của Trường Đại học Công đoàn giai đoạn 2006-2022 như sau:



(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Sổ theo dõi cấp bằng thạc sĩ Trường ĐHCĐ)

Qua biểu đồ trên cho thấy: Trong giai đoạn 2007 - 2017, quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường ổn định và tăng nhanh, tuy nhiên, giai đoạn 2017 đến 2020 có chững lại và sụt giảm nhiều. Nguyên nhân, một mặt là do nhu cầu xã hội đối với một số ngành đào tạo đã dần bão hòa, mặt khác, các quy định, yêu cầu về điều kiện và chất lượng đào tạo ngày một cao hơn, đặc biệt là các yêu cầu, điều kiện về duy trì và mở ngành đào tạo cao học, yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đối với học viên cao học ngày một chuẩn hóa hơn. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh giữa các trường ngày càng mạnh mẽ, năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, phải thực hiện các biện pháp hạn chế tiếp xúc và giãn cách xã hội, công tác quảng bá, tuyên truyền tuyển sinh gặp khó khăn nên lượng thí sinh sụt giảm đáng kể. Từ năm 2021, tuyển sinh trở lại trạng thái bình thường. Như vậy quy mô đào tạo của Trường Đại học Công đoàn trong giai đoạn 5 năm gần đây (2017-2022), giảm so với giai đoạn trước đó, dao động trong khoảng từ 90 cho đến 110 học viên một năm. Tỷ lệ học viên trên một giảng viên xấp xỉ là 0,97 - 1,18 học viên/giảng viên. Điều đó cho phép nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và chất lượng luận văn nói riêng.

2.2. Phân tích thực trạng các nhân tố có ảnh hưởng đến chất lượng luận văn

- Kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ: Theo số liệu thống kê tính đến 31/12/2022⁴, Trường Đại học Công đoàn đã tổ chức tuyển sinh được 16 khóa đào tạo trình độ thạc sĩ với tổng số là 1517 học viên, trong đó, có 1280 học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp ra trường. 100% luận văn được đánh giá đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn theo quy định, trên 96% luận văn đạt kết quả từ loại giỏi trở lên. Có 21 học viên quá hạn thực hiện luận văn, chiếm 1,64% tổng số học viên tốt nghiệp. Nguyên nhân là do học viên luân chuyển công tác, bận công việc gia đình, rất ít trong số đó là do thiếu chủ động, tích cực trong quá trình thực hiện luận văn. Hầu hết các học viên đều có việc làm trước khi đi học. Tỷ lệ học viên thăng tiến sau khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao (trên 65%) bao gồm được đề bạt, bổ nhiệm ở vị trí chức vụ cao hơn, tăng lương, chuyển đổi công việc phù hợp, có điều kiện học ở bậc học cao hơn...

- Về đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường đại học Công đoàn đều đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn theo quy định, nghĩa là tất cả các giảng viên phải có trình độ từ tiến sĩ trở lên, có thâm niên giảng dạy, có công trình nghiên cứu khoa học theo yêu cầu. Theo báo cáo thống kê của Phòng tổ chức Trường Đại học Công đoàn tính đến 31/12/2022 toàn trường có 93 giảng viên tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ là PGS,TS, trong đó có 7 giảng viên là PGS và 85 giảng viên là TS. Số giảng viên là nữ chiếm 74,4%, cụ thể phản ánh qua số liệu tại bảng 1 sau đây:

¹ Quyết định Số 252/2006/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ cho Trường Đại học Công đoàn

² Quyết định số 7200/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý nguồn nhân lực cho Trường Đại học Công đoàn.

³ Quyết định số 7200/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý nguồn nhân lực cho Trường Đại học Công đoàn; Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Công đoàn đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh và chuyên ngành Quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp; Quyết định số 4368/QĐ-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Công đoàn đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành XHH; Quyết định số 4367/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Công đoàn đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán

⁴ Báo cáo Tổng kết công tác đào tạo sau đại học của Trường Đại học Công đoàn giai đoạn 2006 - 2022.

Bảng 1: Cơ cấu giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022

Ngành đào tạo	Giới tính		Trình độ đào tạo	
	Nam	Nữ	PGS	TS
Kế toán	4	14	2	16
Quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	4	10		14
Quản trị nhân lực	10	13	3	20
Quản trị kinh doanh	7	16	1	22
Xã hội học	4	11	1	14
TỔNG	29	64	7	86

(Nguồn: Phòng Tổ chức Trường Đại học Công đoàn)

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học, hàng năm nhà trường yêu cầu các giảng viên gửi lý lịch khoa học có xác nhận của Phòng quản lý khoa học nhà trường cho khoa sau đại học, trên cơ sở đó sẽ đối chiếu với các yêu cầu, điều kiện quy định để bố trí giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia hội đồng xét duyệt, đánh giá luận văn.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Công đoàn cũng còn có những bất cập. Số lượng giảng viên có học hàm, học vị cao, nhất là những người giữ vai trò chủ trì ngành còn hạn chế, ngoài ngành xã hội học có số lượng PGS đạt tên mức tiêu chuẩn, điều kiện quy định chung, các ngành còn lại chỉ đạt yêu cầu ở mức tối thiểu. Riêng ngành Quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp đến nay không có giảng viên nào có học hàm là PGS. Điều này cũng đặt ra những thách thức đối với nhà trường về chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên trong tương lai.

- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo sau đại học: Ngoài các giảng đường với phòng học rộng rãi, đủ diện tích, các thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy như đèn chiếu, bảng, kết nối Internet,... Trường có 3 hội trường phục vụ cho bảo vệ luận văn. Thư viện hiện nay đang trong quá trình nâng cấp lên thư viện điện tử, nên chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu các học liệu, tài liệu cho học viên, giảng viên. Nguồn tài liệu như giáo trình, sách chuyên khảo chiếm đa số là của các trường đại học lớn, có uy tín trong và ngoài nước, còn tài liệu của trường chủ yếu là bài giảng do giảng viên của trường soạn thảo, được hội đồng khoa học thẩm định đưa vào sử dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ. Qua khảo sát lấy ý kiến của 282 giảng viên, học viên và nhân viên hỗ trợ điểm số đánh giá về thư viện đạt mức thấp so với năm yếu tố còn lại.

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ: Tất cả các chương trình đào tạo thạc sĩ của nhà trường được xây dựng và thiết kế theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được thẩm định chặt chẽ, hàng năm định kỳ được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội. Năm 2022, nhà trường đã tiến hành kiểm định chất lượng tất cả 5 chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp và Xã hội học. Nhìn chung, các chương trình đều đáp ứng tốt các yêu cầu, quy định đặt ra, được các chuyên gia kiểm định đánh giá cao. Việc thực hiện các biện pháp bảo đảm chất lượng bên trong và bên ngoài luôn được nhà trường coi trọng, do đó các chương trình luôn được cải tiến, cập nhật, điều chỉnh, đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo, đồng thời tiếp thu ý kiến để điều chỉnh cho phù hợp.

- Công tác quản lý đào tạo: Nhà trường luôn cải tiến và đổi mới công tác quản lý đào tạo, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng; có quy trình triển khai thực hiện, giám sát chặt chẽ ở tất cả các khâu từ tuyển sinh, tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả đào tạo, xét duyệt đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc tiến độ, tổ chức hội đồng đánh giá luận văn, kiểm tra trùng lặp luận văn, tổ chức xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo đột xuất và định kỳ đối với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các bộ phận chức năng như Khoa Sau đại học, Phòng Thanh tra pháp chế, Phòng Đào tạo thường xuyên phối hợp kiểm tra, giám sát tiến độ, quy trình, thủ tục, kỷ luật giảng đường và các hoạt động đào tạo khác... Để chống sao chép, đạo văn, từ năm 2019 Trường Đại học Công đoàn đã sử dụng phần mềm Turnitin, theo đó, các luận văn chỉ được đưa ra bảo vệ chính thức khi có độ trùng lặp dưới 20%, đồng thời, phải có trích nguồn đầy đủ, rõ ràng, trung thực đảm bảo về quyền sở hữu trí tuệ. Qua tổng kết, từ khi sử dụng phần mềm này chất lượng luận văn đã được nâng lên một cách rõ rệt.

- Tăng cường giám sát chất lượng đối với luận văn: Ngoài chế độ báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhà trường thực hiện công khai chất lượng luận văn thông qua việc công bố công khai luận văn trên các phương tiện thông tin

như Website của nhà trường, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sẵn sàng tiếp thu và giải trình những vấn đề liên quan đến chất lượng luận văn trước cộng đồng và xã hội. Thông qua các phương tiện truyền thông, những vấn đề bức xúc trong cộng đồng xã hội liên quan đến chất lượng luận văn của các cơ sở giáo dục khác, đều được nhà trường, giảng viên, học viên quan tâm, phân tích, rút ra những bài học cho quá trình thực hiện luận văn trong nhà trường.

2.3. Kết quả phân tích định lượng về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, phân tích bằng định lượng các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn. Kết quả kiểm định các giả thuyết, thu thập dữ liệu, xử lý và xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính cho kết quả như sau:

Mô hình lý thuyết đề xuất gồm có 6 yếu tố thành phần: Chương trình đào tạo (CTĐT); Năng lực và sự cố gắng của học viên (SCG), Sự hướng dẫn nhiệt tình của giảng viên(GV); Quản lý đào tạo (QLĐT), Cơ sở vật chất (CSVC); Giám sát của xã hội(GSXH). Trong đó chất lượng luận văn là thành phần phụ thuộc /biến phụ thuộc, còn lại 6 thành phần độc lập/ biến độc lập được giả định là các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn.

Phương trình hồi quy có dạng sau:

$$Y = \beta_1 SCG + \beta_2 CTĐT + \beta_3 GV + \beta_4 QLĐT + \beta_5 CSVC + \beta_6 GSXH$$

• Đánh giá độ tin cậy của thang đo theo hệ số Cronbach's Alpha:

- Thang đo CSVC

Reliability Statistics				
Cronbach's Alpha			N of Items	
0.875			8	
Item total Statistic				
	Scale Mean if Item deleted	Scale Mean Variance if item deleted	Corrected Item-total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
CSVC1	27.57	19.249	0.748	0.864
CSVC2	27.65	19.123	0.765	0.870
CSVC3	27.78	18.249	0.714	0.821
CSVC4	27.66	18.345	0.735	0.867
CSVC5	27.70	18.192	0.823	0.822
CSVC6	27.56	18.543	0.821	0.846
CSVC7	27.53	18.223	0.856	0.871
CSVC8	27.23	18.738	0.822	0.869

Hệ số Cronbach's Alpha = 0.875 (lớn hơn 0.8), chứng tỏ thang đo tốt.

Đồng thời, kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected Item - Total Correlation > 0.3) và không có biến nào có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, chứng tỏ các biến đều đạt chất lượng tốt.

- Thang đo QLĐT

Reliability Statistics				
Cronbach's Alpha			N of Items	
0.856			7	
Item total Statistic				
	Scale Mean if Item deleted	Scale Mean Variance if item deleted	Corrected Item-total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
QLĐT1	27.57	18.846	0.735	0.821
QLĐT2	27.34	19.312	0.821	0.811
QLĐT3	27.86	18.256	0.735	0.832
QLĐT4	27.22	18.685	0.786	0.831
QLĐT5	27.25	18.123	0.862	0.814
QLĐT6	27.47	18.543	0.876	0.841
QLĐT7	27.75	18.316	0.921	0.825

Hệ số Cronbach's Alpha = 0.856 (lớn hơn 0.8), chứng tỏ thang đo tốt.

Đồng thời, kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected Item - Total Correlation > 0.3) và không có biến nào có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, chứng tỏ các biến đều đạt chất lượng tốt.

- Thang đo GV

Reliability Statistics				
Cronbach's Alpha			N of Items	
0.867			9	
Item total Statistic				
	Scale Mean if Item deleted	Scale Mean Variance if item deleted	Corrected Item-total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GV1	27.12	19.234	0.748	0.835
GV2	27.67	18.234	0.765	0.845
GV3	27.32	18.249	0.714	0.822
GV4	27.62	19.321	0.735	0.817
GV5	27.83	18.122	0.823	0.812
GV6	27.24	19.543	0.821	0.826
GV7	27.67	18.253	0.856	0.816
GV8	27.27	18.732	0.822	0.861
GV9	27.30	18.734	0.864	0.843

Hệ số Cronbach's Alpha = 0.867 (lớn hơn 0.8), chứng tỏ thang đo tốt.

Đồng thời, kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected Item - Total Correlation > 0.3) và không có biến nào có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, chứng tỏ các biến đều đạt chất lượng tốt.

Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, chứng tỏ các biến đều đạt chất lượng tốt.

- Thang đo SCG

Reliability Statistics	
Cronbach's Alpha	N of Items
0.881	3

Item total Statistic				
	Scale Mean if Item deleted	Scale Mean Variance if item deleted	Corrected Item-total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
SCG1	27.23	18.346	0.872	0.856
SCG2	27.12	19.124	0.824	0.861
SCG3	27.46	19.256	0.898	0.832

Hệ số Cronbach's Alpha = 0.881 (lớn hơn 0.8), chứng tỏ thang đo tốt.

Đồng thời, kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected Item - Total Correlation > 0.3) và không có biến nào có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, chứng tỏ các biến đều đạt chất lượng tốt.

- Thang đo GSXH

Reliability Statistics	
Cronbach's Alpha	N of Items
0.897	8

Item total Statistic				
	Scale Mean if Item deleted	Scale Mean Variance if item deleted	Corrected Item-total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GSXH1	27.21	19.219	0.728	0.884
GSXH 2	27.32	18.249	0.714	0.822
GSXH 3	27.78	18.249	0.714	0.821
GSXH 4	27.83	18.122	0.823	0.812
GSXH 5	27.47	18.543	0.876	0.841
GSXH 6	27.67	18.253	0.856	0.816
GSXH 7	27.27	18.732	0.822	0.861
GSXH 8	27.30	18.734	0.864	0.843

Hệ số Cronbach's Alpha = 0.897 (lớn hơn 0.8), chứng tỏ thang đo tốt.

Kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected Item - Total Correlation > 0.3) và không có biến nào có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, chứng tỏ các biến đều đạt chất lượng tốt.

- Thang đo CTĐT

Hệ số Cronbach's Alpha = 0.894 (lớn hơn 0.8), chứng tỏ thang đo tốt.

Kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected

Reliability Statistics	
Cronbach's Alpha	N of Items
0.894	3

Item total Statistic				
	Scale Mean if Item deleted	Scale Mean Variance if item deleted	Corrected Item-total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
CTDT1	27.55	19.146	0.812	0.891
CTDT2	27.76	19.344	0.867	0.877
CTDT3	27.45	19.456	0.886	0.832

Item - Total Correlation > 0.3) và không có biến nào có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, chứng tỏ các biến đều đạt chất lượng tốt.

• Phân tích nhân tố khám phá EPA đối với biến độc lập

Sử dụng SPSSversion 23 để phân tích nhân tố khám phá cho biến độc lập cho kết quả như sau:

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		0,816
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1603,894
	Df	136
	Sig.	0,000

Kết quả phân tích cho hệ số KMO= 0,816> 0,5, sig Bartlett's Test = 0,000, như vậy phân tích nhân tố là phù hợp.

TotalVarianceExplained									
Comp onent	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	%of Variance	Cumulative %	Total	%of Variance	Cumulative %	Total	%of Variance	Cumulative %
1	13,993	43,728	43,728	13,993	43,728	43,728	5,170	16,155	16,155
2	2,048	6,401	50,128	2,048	6,401	50,128	4,447	13,897	30,052
3	1,691	5,283	55,411	1,691	5,283	55,411	3,693	11,540	41,592
4	1,344	4,201	59,612	1,344	4,201	59,612	3,585	11,204	52,796
5	1,189	3,715	63,327	1,189	3,715	63,327	1,880	5,876	58,671
6	1,088	3,401	66,727	1,088	3,401	66,727	1,861	5,816	64,487
7	1,010	3,157	69,885	1,010	3,157	69,885	1,727	5,397	69,885
8	,866	2,705	72,590						
9	,832	2,599	75,189						
10	,752	2,351	77,540						
11	,638	1,994	79,534						
12	,607	1,898	81,431						
13	,562	1,757	83,188						

Có 6 nhân tố được trích dựa vào Eigenvalues lớn hơn 1. Như vậy, 6 nhân tố này sẽ tóm tắt thông tin của 38 biến quan sát đưa vào EFA một cách tốt nhất. Tổng phương sai mà 6 nhân tố này trích được là 69,885% > 50%. Như vậy, 6 nhân tố được trích giải

thích được 69,885% biến thiên dữ liệu của 38 biến quan sát tham gia vào EFA.

Rotated Component Matrix ^a						
	Component					
	1	2	3	4	5	6
CSV1	,719					
CSV2	,684					
CSV3	,671					
CSV4	,656					
CSV5	,623					
CSV6	,594					
CSV7	,562					
CSV8	,557					
QLĐT1		,723				
QLĐT2		,734				
QLĐT3		,645				
QLĐT4		,619				
QLĐT5		,601				
QLĐT6		,599				
QLĐT7		,582				
GV1			,788			
GV2			,786			
GV3			,685			
GV4			,673			
GV5			,672			
GV6			,662			
GV7			,656			
GV8			,642			
GV9			,634			
SCG1				,746		
SCG2				,744		
SCG3				,724		
GSXH1					,624	
GSXH2					,622	
GSXH 3					,618	
GSXH 4					,615	
GSXH 5					,611	
GSXH6					,609	
GSXH7					,610	
GSXH8					,622	
CTĐT1						,867
CTĐT2						,862
CTĐT3						,878

Kết quả ma trận xoay cho thấy, 38 biến được phân thành 6 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) lớn hơn 0,5 và không có biến xấu.

• Phân tích hồi quy và xây dựng mô hình

Tiến hành phân tích hồi quy để xác định cụ thể trọng số của từng thành phần tác động đến chất lượng luận văn. Giá trị của các yếu tố được dùng để chạy hồi quy là giá trị tổng của các biến quan sát đã được kiểm định.

Phân tích hồi quy được thực hiện bằng phương pháp hồi quy tổng thể các biến với phần mềm SPSS version 23.0. Kết quả kiểm định mô hình hồi quy giữa các nhân tố tác động đến chất lượng luận văn được phản ánh qua số liệu của *bảng 1* dưới đây:

Bảng 1. Kết quả hồi quy của mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
1	0,868 ^a	0,753	0,717	1,45555	1,998

a. Biến phụ thuộc: Y

b. Các yếu tố dự báo: (Hàng số), GSXH, SCG, GV, QLĐT, CSV, CTĐT

Qua kết quả hồi quy tại *bảng 1* cho thấy: Trị số R có giá trị 0,868 phản ánh rằng mối quan hệ giữa các biến trong mô hình có mối tương quan rất chặt chẽ. Đồng thời, qua chỉ báo kết quả hồi quy của mô hình trong *bảng* cho thấy giá trị R² (R Square) bằng 0,753, điều này chỉ rõ độ thích hợp của mô hình.

Chất lượng luận văn được giải thích bởi 6 thành phần tương ứng với 6 biến độc lập. Giá trị R² hiệu chỉnh (Adjusted R Square) phản ánh chính xác hơn sự phù hợp của mô hình đối với tổng thể, ta có giá trị R hiệu chỉnh bằng 0,717 (hay 71,7%) có nghĩa tồn tại mô hình hồi quy tuyến tính giữa chất lượng của luận văn và 6 thành phần trong yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của luận văn, phần sai số 28,3% trong mô hình là do các yếu tố khác ngoài mô hình tác động tới.

Kết quả *bảng 1* cho thấy: Hệ số Durbin - Watson (DW) dùng để kiểm định tương quan chuỗi bậc nhất cho thấy mô hình không vi phạm khi sử dụng phương pháp hồi quy bội vì giá trị DW đạt được là 1,998 (nằm trong khoảng từ 1 đến 3) và chấp nhận giả thuyết không có sự tương quan chuỗi bậc nhất trong mô hình. Như vậy, mô hình hồi quy bội thỏa mãn các điều kiện đánh giá và kiểm định độ phù hợp cho việc rút ra các kết quả nghiên cứu.

Cùng với đó, khi phân tích phương sai ANOVA cho thấy: trị số F có mức ý nghĩa Sig.= 0,000 (nhỏ hơn 0,05). Điều đó có nghĩa là mô hình hồi quy phù hợp với dữ liệu thu thập được và các biến đưa vào đều có ý nghĩa trong thống kê với mức ý nghĩa 5%.

Kết quả phân tích phương sai ANOVA tại *Bảng 2* cho thấy: Thống kê giá trị F = 73,096 được dùng để kiểm định giả thuyết H₀, mối quan hệ tuyến tính là rất có ý nghĩa với Sig. < 0,05. Ta có thể loại bỏ giả thuyết H₀ cho rằng hệ số góc của 6 thành phần trong nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn bằng 0. Như vậy, các biến độc lập trong mô hình có quan hệ đối với biến phụ thuộc chất lượng luận văn.

Bảng 2. Phân tích phương sai ANOVA

	Mô Hình	Tổng bình phương	Bậc tự do	Trung bình bình phương	F	Mức ý nghĩa
1	Hồi quy Số dư Tổng	1084,047 355,930 1439,977	6 168 175	180,674 2,119	73,096	0,000 ^b

a. Biến phụ thuộc: Y

b. Các yếu tố dự báo: (Hàng số), GSXH, SCG, GV, QLĐT, CSVC, CTĐT

Kết quả phân tích các hệ số hồi quy trong mô hình cho thấy, mức ý nghĩa của các thành phần biến độc lập (GSXH, SCG, GV, QLĐT, CSVC, CTĐT) có Sig.= 0,000 < 0,05 vì vậy có tác động đến chất lượng luận văn.

Mặt khác, qua chỉ báo hệ số hồi quy được phân ánh tại Bảng 3 cho thấy: Tất cả 6 thành phần (GSXH, SCG, GV, QLĐT, CSVC, CTĐT) đều có ý nghĩa trong mô hình và tác động cùng chiều đến chất lượng của luận văn, do các hệ số hồi quy đều mang dấu dương.

Hơn nữa, đại lượng chuẩn đoán hiện tượng đa cộng tuyến với hệ số phóng đại phương sai VIF (Variance Inflation Factor) đều < 2, thể hiện tính đa cộng tuyến của các biến độc lập là không đáng kể và các biến độc lập trong mô hình chấp nhận được.

Bảng 3. Hệ số hồi quy trong mô hình

Mô hình	Các hệ số chưa chuẩn hóa		Các hệ số chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa	Thống kê Collinearity	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
1 (Hàng số)	15,194	0,982		16,471	0,000		
CSVC	0,112	0,042	0,132	2,655	0,009	0,595	1,681
SCG	0,597	0,055	0,583	10,848	0,000	0,510	1,961
GV	0,287	0,049	0,263	5,868	0,000	0,730	1,370
QLĐT	0,222	0,063	0,172	3,494	0,001	0,605	1,653
CTĐT	0,122	0,052	0,112	3,543	0,000	0,543	1,553
GSXH	0,111	0,034	0,102	3,232	0,000	0,511	1,683

Các biến đều đạt được tiêu chuẩn chấp nhận (Tolerance > 0,0001). Giá trị hồi quy chuẩn của các biến độc lập trong mô hình có giá trị báo cáo lần lượt: Cơ sở vật chất (CSVC) là 0,132; Sự cố gắng của học viên (SCG) là 0,583; Giảng viên (GV) là 0,263; Quản lý Đào tạo (PV) 0,172; Cơ sở đào tạo (CSĐT) là 0,112; Giám sát xã hội (GSXH) là 0,102.

Qua kết quả phân tích hồi quy ta có mô hình:

$$Y = 0,583SCG + 0,263GV + 0,172QLĐT + 0,132CSVC + 0,112CTĐT + 0,102GSXH$$

Mô hình trên giả thích được 71,70% sự thay đổi của biến Y là do 6 biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 28,30% biến thiên được giải thích bởi các biến khác nằm ngoài mô hình (như đã giải thích ở trên)

Mô hình cho thấy các biến độc lập đều ảnh hưởng thuận chiều đến chất lượng luận văn với độ tin cậy 95%.

Mức độ ảnh hưởng của 6 yếu tố đến chất lượng luận văn cũng có sự khác biệt, cụ thể có thể sắp xếp lần lượt theo mức độ tác động từ cao đến thấp như sau: (1) *Năng lực và sự cố gắng của người học*; (2) *Giảng viên*; (3) *Quản lý đào tạo*; (4) *Cơ sở vật chất*; (5) *Chương trình đào tạo*; (6) *Giám sát xã hội đối với luận văn*.

Qua hệ số B của phương trình hồi quy cho thấy, nếu giữ nguyên các biến độc lập còn lại không đổi thì khi điểm đánh giá về khi điểm đánh giá về năng lực và sự cố gắng của người học tăng lên 1 điểm thì chất lượng luận văn của giảng viên tăng lên trung bình 0,583 điểm. Tương tự, khi điểm đánh giá về Giảng viên tăng lên 1 điểm thì chất lượng luận văn tăng lên trung bình 0,263 điểm; khi điểm đánh giá về Quản lý đào tạo của nhà trường lên 1 điểm thì chất lượng luận văn tăng lên trung bình 0,172 điểm; Cơ sở vật chất tăng lên 1 mang dấu dương thì chất lượng luận văn tăng trung bình lên 0,132 điểm.

Mức độ tác động của từng yếu tố phụ thuộc vào giá trị tuyệt đối của hệ số hồi quy (β) đã chuẩn hóa. Yếu tố nào có giá trị tuyệt đối β càng lớn thì ảnh hưởng đến chất lượng luận văn càng mạnh, cụ thể, chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn chịu sự tác động của các yếu tố theo mức độ từ cao đến thấp như sau: Sự cố gắng của người học ($\beta = 0,583$); Giảng viên ($\beta = 0,263$); Quản lý đào tạo ($\beta = 0,172$); Cơ sở vật chất ($\beta = 0,132$); Chương trình đào tạo ($\beta = 0,112$); Giám sát xã hội ($\beta = 0,102$). Hệ số β trong mô hình đều mang dấu dương do đó sự tác động của các yếu tố là thuận chiều hay tỷ lệ thuận với nhau. Chẳng hạn, người học càng tích cực, cố gắng thì chất lượng luận văn càng được nâng cao.

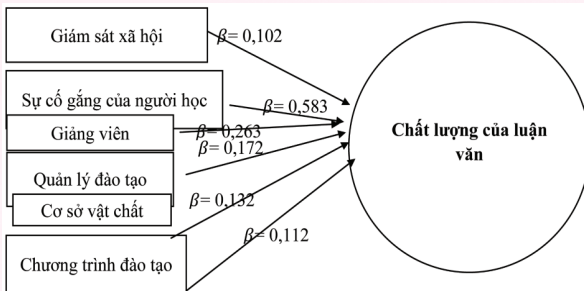
Tổng hợp kết quả kiểm định mô hình hồi quy tại bảng 4 cho thấy, với 6 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc đều có liên hệ và được chấp nhận.

Bảng 4. Kết quả kiểm định mô hình hồi quy

Giả thuyết	Kết quả kiểm định
H1: Giám sát xã hội có ảnh hưởng đến chất lượng luận văn	Chấp nhận
H2: Năng lực và sự cố gắng của người học là nhân tố quyết định đến chất lượng luận văn.	Chấp nhận
H3: Sự hướng dẫn nhiệt tình của giảng viên góp phần nâng cao chất lượng luận văn.	Chấp nhận
H4: Quản lý đào tạo có tác động tích cực đến chất lượng luận văn.	Chấp nhận
H5: Cơ sở vật chất có ảnh hưởng đến chất lượng luận văn.	Chấp nhận
H6: Chương trình Đào tạo ảnh hưởng đến chất lượng luận văn.	Chấp nhận

Như vậy, qua kết quả kiểm định cho thấy: các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5, H6 đều được chấp nhận, và do đó các thành phần: Năng lực và sự cố gắng của người học, giảng viên, quản lý đào tạo, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, Giám sát xã hội là các đại lượng có quan hệ có tác động đến chất lượng luận văn,... Khi tăng những yếu tố này sẽ làm gia tăng chất lượng luận văn. Vì vậy, Trường phải nỗ lực cải tiến những yếu tố này để nâng cao chất lượng luận văn.

Từ những phân tích trên ta có thể kết luận mô hình lý thuyết thích hợp với dữ liệu nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu được chấp nhận (giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 và H6). Kết quả kiểm định mô hình lý thuyết được minh họa qua hình sau:



3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, qua kết quả phân tích, đánh giá thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn có thể rút ra một số đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn như sau:

3.1. Phát huy tính tự giác, chủ động, tích cực của người học

Năng lực và sự cố gắng nỗ lực của người học là nhân tố quyết định chất lượng luận văn. Với tinh thần lấy người học làm trung tâm cần phát huy hơn nữa tính chủ động, tích cực, sáng tạo của người học. Phải khơi gợi, khuyến khích người học sự đam mê, tìm tòi, nghiên cứu, khám phá về tri thức, kiến thức, không ngừng sáng tạo trong học tập, nghiên

cứu khoa học, chủ động đề xuất những vấn đề mới mẻ trong cuộc sống, nghề nghiệp, vận dụng các kiến thức, tri thức áp dụng vào cuộc sống. Mạnh dạn đề xuất những sáng kiến, sáng tạo. Tích cực trao đổi để làm rõ các ý tưởng, các chân lý khoa học. Biết cách chia sẻ tri thức, kiến thức, luôn luôn đổi mới, luôn luôn sáng tạo, xây dựng hoài bão và có khát khao vươn tới đỉnh cao khoa học mà trước hết là hoàn thành công trình khoa học thể hiện qua kết quả luận văn.

3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Kết quả nghiên cứu cho thấy, giảng viên có vai trò to lớn góp phần nâng cao chất lượng luận văn. Người học rất tin tưởng vào giảng viên, xem giảng viên là chỗ dựa vững chắc của họ. Ngoài việc cung cấp tri thức, kiến thức trong giảng dạy, giảng viên là người đồng hành, hỗ trợ tích cực cho người học trong suốt quá trình thực hiện luận văn. Tỷ lệ học viên trên giảng viên hiện nay thấp, dao động trong khoảng từ 0,97 đến 1,18 học viên trên một giảng viên, trong khi Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ cho phép mỗi giảng viên có thể lên đến 5 học viên. Để có thể hoàn thành tốt trọng trách của mình mỗi giảng viên phải nâng cao ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ giảng dạy, hướng dẫn học viên thực hiện luận văn, phải luôn tìm tòi, đổi mới phương pháp giảng dạy, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Phải nêu cao tinh thần, trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, đặc biệt là trong vai trò là nhà khoa học, giảng viên giảng dạy hay người hướng dẫn luận văn. Biết cách truyền cảm hứng cho người học, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, thân thiện, gần gũi với người học, biết cách hỗ trợ người học khi cần thiết. Quan tâm, sâu sát người học, tôn trọng người học, sẵn sàng chia sẻ tri thức, kiến thức. Giữ gìn phẩm chất, đạo đức của người giáo viên và bản lĩnh của nhà khoa học.

Đội ngũ giảng viên hiện tại đáp ứng yêu cầu đặt ra, tuy nhiên xét về cơ cấu còn có sự bất cập, nhất là những giảng viên có học hàm (Giáo sư, phó giáo sư) là chủ trì ngành, tiến sĩ đúng chuyên ngành... Vì vậy, Nhà trường cần có chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng và cơ cấu giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo sau đại học, trước mắt là thu hút, củng cố và phát triển đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị cao đáp ứng cho đào tạo sau đại học. Mặc dù, nhấn mạnh đến vai trò có tính quyết định của người học, nhưng không thể thiếu được đội ngũ giảng viên, bao gồm giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn khoa học.

3.3. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo

Cần đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ

đào tạo nói chung và đào tạo sau đại học nói riêng. Trước hết, cần đầu tư nâng cấp hệ thống thư viện điện tử, kết nối liên thông với hệ thống nguồn mở, thư viện quốc gia, thư viện của các trường đại học lớn trong và ngoài nước, bảo đảm cung cấp đủ nguồn học liệu, tài liệu cho người học. Bên cạnh đó cần cải tạo lại hệ thống kết nối không dây, cung cấp dịch vụ Internet nội bộ và phục vụ cho học viên. Từng bước nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo nói chung và sau đại học nói riêng. Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo sau đại học, sử dụng phần mềm chống sao chép và trùng lặp luận văn... Trước mắt, nhà trường nên quan tâm đầu tư nâng cấp thư viện điện tử, thúc đẩy biên soạn giáo trình, bài giảng và học liệu cung cấp đầy đủ cho người học. Bên cạnh đó, cán bộ, nhân viên thư viện cần nâng cao ý thức, trách nhiệm phục vụ đối với giảng viên, học viên, xây dựng môi trường văn hóa công sở thân thiện, lịch sự và chuyên nghiệp.

3.4. Thường xuyên cập nhật, cải tiến, đổi mới chương trình đào tạo sau đại học

Trong điều kiện thị trường và hội nhập quốc tế, mọi cơ sở đào tạo phải nắm bắt nhu cầu xã hội và thực trường lao động để từ đó cập nhật, cải tiến, cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng xu hướng và nhu cầu xã hội. Định kỳ đánh giá, rà soát lại chương trình đào tạo. Thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học, nhà tuyển dụng, cựu học viên về sự phù hợp của chương trình đào tạo, nghiên cứu, phân tích, đối sánh để cập nhật, cải tiến, đổi mới chương trình đào tạo sau đại học cho phù hợp với nhu cầu xã hội.

3.5. Tăng cường các biện pháp hỗ trợ người học

Tăng cường các dịch vụ hỗ trợ người học. Xây dựng môi trường văn hóa thân thiện, lành mạnh học đường. Cải tiến công tác hỗ trợ phục vụ người học, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nhằm tạo sự tiện lợi cho người học. Xây dựng bộ phận hành chính phục vụ một cửa. Tổ chức các sự kiện gặp gỡ, giao lưu giữa học viên các khóa lớp, duy trì mối quan hệ với các cựu học viên.

3.6. Thực hiện công khai, minh bạch và giám sát và quản lý chất lượng luận văn

Duy trì chế độ báo cáo về công tác đào tạo sau đại học theo quy định. Minh bạch hóa quy trình đánh giá, công bố kết quả nghiên cứu của luận văn, luận án. Bảo đảm công bố công khai, minh bạch, rộng rãi luận văn. Tăng cường sự giám sát phản biện xã hội đối với luận văn. Đề cao trách nhiệm của hội đồng xét duyệt, đánh giá luận văn. Cần duy trì công bố công khai kết quả luận văn trên Website của Nhà trường và theo quy định hiện hành để cơ

quan quản lý và xã hội có điều kiện quản lý, giám sát chất lượng.

4. Kết luận

Luận văn là kết quả nghiên cứu khoa học của học viên và nghiên cứu sinh. Quy trình, thủ tục và chất lượng luận văn được quy định khá chặt chẽ và nghiêm ngặt. Để có được một luận văn đạt yêu cầu, tiêu chuẩn quy định là điều không đơn giản, đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ về phía người học, mà còn cả phía cơ sở đào tạo. Quá trình thực hiện luận văn bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn để nhận dạng, thấy được các yếu tố tác động, mức độ tác động để từ đó có những biện pháp chủ động ứng phó phù hợp trước những tác động tích cực, tiêu cực nhằm nâng cao chất lượng luận văn. Bài viết đã khái lược về sự cần thiết nâng cao chất lượng luận văn, hệ thống hóa cơ sở lý luận về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn, phân tích làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng luận văn tại Trường Đại học Công đoàn. □

Tài liệu tham khảo

1. Chua.C. (2004), *Perception of quality in higher education*, AUQA Occasional Publication.
2. Phạm Thị Hằng, *Một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành Nội vụ*, Tạp chí quản lý nhà nước (quanlynhan-uocs.vn ngày 15/3/2022).
3. Nguyễn Thành Long (2006), *"Sử dụng thang đo SERVPERF để đánh giá chất lượng đào tạo đại học tại Trường Đại học An Giang"*, Báo cáo nghiên cứu khoa học, Trường Đại học An Giang.
4. Phan Đình Nguyên, *Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học mở TP. Hồ Chí Minh, số 8/2013.
5. Nguyễn Minh Nhã và Nguyễn Thị Thanh Thủy (2018), *Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ đào tạo chuyên ngành kế toán - nghiên cứu tại Trường Đại học Tiền Giang*, Tạp chí Khoa học số (6C), Trường Đại học Cần Thơ.
6. Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994), *Psychometric theory* (3rd ed.). New York; McGraw-Hill.
7. M. Tam và cộng sự (1997), *"Multi-Models of Quality in Education"* Assurance in Education.
8. Ngô Thế Thị, *"Nâng cao chất lượng luận văn khoa học - kết quả của quá trình đào tạo sau đại học"*, Tạp chí Kiến trúc số 7/2017.
9. Hoàng Trọng - Chu nguyên Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức.
10. Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường ĐHCĐ Việt Nam (2022). *Chương trình đào tạo kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng*.
11. Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang (2009). *Nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh*, NXB Thống kê.